

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 06/3/2019

*V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Út

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lâm Thị Tám

2. Bà Lý Thị Đào

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Văn Khải - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 03 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 270/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2018 về ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **La Thiên N**, sinh năm 1992

Địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. *(có mặt)*

2. *Bị đơn:* Anh **Lâm H**, sinh năm 1993

Địa chỉ: Số 198, ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. *(có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị La Thiên N và anh Lâm H hai người kết hôn nhau vào năm 2015 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 36, quyền số 01/2015 cấp ngày 13 tháng 3 năm 2015.

Chị La Thiên N và anh Lâm H chung sống có một người con chung là cháu Lâm Cao Th, sinh ngày 18 tháng 8 năm 2016, hiện nay cháu Th đang sống chung với chị N.

Về tài sản chung và nợ chung, chị La Thiên N xác định không có.

Do trong thời gian chung sống, anh Lâm H không lo làm ăn, thường xuyên ăn chơi, cờ bạc không quan tâm đến gia đình, chị khuyên nhiều lần nhưng anh H cũng không nghe, giữa chị và anh H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã với nhau. Từ việc anh H không quan tâm lo lắng cho gia đình, chị thấy vợ chồng sống với nhau không hạnh phúc, nên chị và anh H không tiếp tục sống chung hai người đã sống ly thân với nhau từ tháng 7 năm 2018 cho đến nay và trong thời gian sống ly thân, thì chị N và anh H cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm trở lại.

Tại phiên tòa hôm nay chị N yêu cầu được ly hôn với anh H. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được tiếp tục con cháu Lâm Cao Th, đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với yêu cầu khởi kiện của chị La Thiên N thì anh Lâm H đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và thông báo triệu tập anh H đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh H không đến hòa giải và cũng không thực hiện việc gửi văn bản thể hiện ý kiến của anh đối với yêu cầu khởi kiện của chị N, cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án, mà chỉ có cung cấp cho Tòa án đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 24/12/2018. Do vậy, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do chị N cung cấp và do Tòa án thu thập được để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, khoản 1 Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh H. Về con chung, giao cháu Lâm Cao Th, sinh ngày 18 tháng 8 năm 2016 cho chị N tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; anh H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N không có yêu cầu; anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Về tài sản chung, nợ chung, không có, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Về án phí, chị N phải chịu theo qui định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị La Thiên N khởi kiện yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với anh Lâm H và hiện nay anh H cư trú tại số 198, ấp C, xã L, huyện L nên Tòa án nhân dân huyện T thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh H đã được triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng các lần mời hòa giải anh H đều vắng mặt nên vụ án không hòa giải được phải đưa ra xét xử. Anh H đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng anh H có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt đề ngày 24/12/2018 nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh H.

[2] Về nội dung: Chị La Thiên N và anh Lâm H kết hôn nhau vào năm 2015 và đã được Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 36, quyền số 01/2015 cấp ngày 13 tháng 3 năm 2015 nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3] Xét lý do yêu cầu ly hôn của chị N, Hội đồng xét xử thấy rằng, sau khi kết hôn chị N và anh H sống hạnh phúc được hơn hai năm thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, do anh H thiếu quan tâm đến gia đình, thường xuyên cờ bạc không quan tâm lo đến cuộc sống của gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã với nhau, do bất hòa trong cuộc sống, thể hiện thiếu trách nhiệm trong xây dựng hạnh phúc gia đình, thiếu quan tâm, chia sẻ, chăm sóc lẫn nhau để có mái ấm gia đình thật sự hạnh phúc và tiến bộ. chính từ những mâu thuẫn hàng ngày trong gia đình vợ chồng không có biện pháp khắc phục để cho mâu thuẫn kéo dài ngày càng trầm trọng hơn dẫn đến vợ chồng không còn tiếp tục sống chung với nhau từ tháng 7/2018 đến nay. Cũng như trong quá trình giải quyết vụ án thì anh H cũng biết được việc chị N yêu cầu ly hôn đối với anh, nhưng anh H không có thiện chí hàn gắn lại tình cảm vợ chồng nên anh không đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải, tìm biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng trở lại. Từ nhận định trên Hội đồng xét xử thấy rằng chị N và anh H hai người sống ly thân và không còn tới lui với nhau từ tháng 7/2018 đến nay, tình cảm vợ chồng thật sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nữa, mâu thuẫn đến mức trầm trọng. Tại phiên tòa chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh H, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị La Thiên N đối với anh Lâm H là có căn cứ đúng pháp luật.

[4] Về con chung, chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung là cháu Lâm Cao Th, sinh ngày 18 tháng 8 năm 2016 đến tuổi trưởng thành. Xét thấy, cháu Th hiện đang sống chung với chị N từ lúc chị N và anh H không còn sống chung với nhau đến nay. Hiện tại chị N đang làm công nhân có thu nhập ổn định và đảm bảo được đời sống và đủ chi phí cho việc nuôi con nên không nhất thiết thay đổi môi trường sinh sống của cháu Th mà cần ổn định cuộc sống hiện tại của cháu. Từ phân tích trên Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị N là có căn cứ; giao cháu

Lâm Cao Th, sinh ngày 18 tháng 8 năm 2016 cho chị La Thiên N tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị La Thiên N không yêu cầu anh Lâm H phải cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N xác định chị và anh H không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Anh H không thể hiện có tranh chấp và yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị La Thiên N phải chịu án phí theo qui định pháp luật.

[8] Các quan điểm đề xuất việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tại phiên tòa, như đã phân tích, là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội và mục A của Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016):

Áp dụng các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị La Thiên N đối với anh Lâm H. Cho ly hôn giữa chị La Thiên N và anh Lâm H.

2. Về con chung: Giao cháu Lâm Cao Th, sinh ngày 18 tháng 8 năm 2016 cho chị La Thiên N tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Chị La Thiên N không yêu cầu anh Lâm H phải cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

Anh Lâm H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình, chị La Thiên N phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chị La Thiên N đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa

án số 0005286 ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Sóc Trăng, được chuyển thu án phí.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết công khai nơi cư trú, đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- UBND xã L, huyện T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Văn Út